

LUẬN THÀNH THẬT

QUYỂN 15

Phẩm 187: CHỈ QUÁN

Hỏi: Nhiều chỗ trong kinh Phật dạy các Tỳ-kheo: “Hoặc ở nơi vắng vẻ, hoặc ở bên gốc cây, hoặc ở trong nhà trống vắng, phải nhớ nghĩ về hai pháp là Chỉ và Quán”. Nếu tất cả là các pháp thiền định thì đều phải nhớ nghĩ, tại sao chỉ nói Chỉ và Quán?

Đáp: Chỉ là định, Quán là tuệ. Tất cả pháp thiện do tu sinh ra, đều nằm trong hai pháp này. Cho đến tâm tán loạn các văn, tư, tuệ v.v... cũng đều ở trong đây. Vì hai pháp này có khả năng thành tựu đạo pháp. Vì sao? Vì Chỉ có năng lực ngăn ngừa các phiền não, Quán có khả năng dứt trừ. Chỉ như nắm lấy cỏ, Quán như dao cắt. Chỉ như quét đất, Quán như trừ phân. Chỉ như lau chùi dơ bẩn, Quán như nước rửa. Chỉ như nước thấm, Quán như lửa nấu. Chỉ như rờ vào ung nhọt, Quán như dao mổ. Chỉ như khai mạch, Quán như chích máu. Chỉ ngăn tâm động. Quán khai tâm chìm. Chỉ như rưới vàng, Quán như lửa nung. Chỉ như dây dắt, Quán như dao xẻ. Chỉ như lấy nhíp nhổ gai, Quán như kéo dao hớt tóc. Chỉ như áo giáp, Quán như binh khí. Chỉ như đứng thẳng, Quán như bắn tên. Chỉ như uống dầu. Quán như uống thuốc. Chỉ như nhồi đất, Quán như in ấn. Chỉ như luyện vàng, Quán như đúc đồ. Chúng sinh ở thế gian đều rơi vào hai trạng thái hoặc khổ, hoặc vui. Chỉ thường bỏ vui, Quán thường lìa khổ. Trong bảy loại tịnh: giới tịnh, tâm tịnh là Chỉ, năm tịnh còn lại là Quán. Trong tám điều giác ngộ của bậc đại nhân, sáu điều giác ngộ là Chỉ, hai điều giác ngộ là Quán. Trong bốn niệm xứ, ba niệm xứ đầu là Chỉ, niệm xứ thứ tư là Quán. Bốn như ý túc là Chỉ, bốn chánh cần là Quán. Năm căn, bốn căn đầu là Chỉ, căn tuệ là Quán. Lực cũng như vậy. Trong bảy giác chi, ba hiểu biết chi đầu là Chỉ, ba hiểu biết chi sau là Quán. Còn niệm giác chi chung cho cả hai. Trong tám Thánh

đạo phần, ba thánh đạo là giới, hai phần là Chỉ, còn ba phần là Quán. Giới cũng thuộc về Chỉ. Lại Chỉ thường đoạn trừ tham; Quán diệt trừ vô minh. Như trong kinh dạy: “Tu Chỉ là tu tâm, tu tâm là diệt trừ thọ tham. Tu Quán là tu tuệ, tu tuệ thì diệt trừ vô minh”. Còn xa lìa tham nên tâm được giải thoát, vì xa lìa vô minh nên tuệ được giải thoát. Giải thoát được hai pháp này không còn việc gì nên chỉ nói hai pháp ấy.

Hỏi: Nếu Chỉ, Quán thường tu tâm, tu tuệ, và vì tu tâm, tu tuệ nên có thể đoạn tham và vô minh thì vì sao nói Chỉ có thể tu tâm có khả năng diệt trừ tham ái; Quán có thể tuệ tu có khả năng đoạn trừ vô minh?

Đáp: Người tâm tán loạn thì các tâm tương tục theo đuổi sắc v.v... Tâm tương tục này được Chỉ thì dừng lại, nên nói Chỉ thường tu tâm. Do tâm ngừng sinh trí nên gọi Quán thường tu tuệ. Do sinh Quán rồi sau đó mọi tu tập đều gọi là tu tuệ. Tuệ ban đầu gọi là Quán, sau mới gọi là tuệ. Như trong Kinh dạy : “Tu chỉ đoạn tham”. Chính là nói năng đoạn. Vì sao biết ? vì các ngoại sắc v.v... trong dục ham muốn sinh ra tham. Nếu đạt được Chỉ, thì tham không sinh nữa. Như trong kinh dạy: “Hành giả khi được hỷ thanh tịnh là bỏ hỷ bất tịnh”. Nếu nói đoạn dứt vô minh tức là đoạn dứt rất ráo. Vì sao biết được? Do dứt trừ vô minh nên các phiền não tham đều dứt hết không còn. Trong kinh cũng nói: Lìa tham nên tâm được giải thoát, gọi là ngăn đoạn. Xa lìa vô minh nên tuệ được giải thoát tức là đoạn trừ hoàn toàn. Có hai thứ giải thoát: Thời giải thoát và bất hoại giải thoát. Thời giải thoát là ngăn trừ, đoạn dứt, bất hoại giải thoát là đoạn dứt hoàn toàn.

Hỏi: Thời giải thoát là vô lậu giải thoát trong năm loại A-la-hán. Bất hoại giải thoát là giải thoát vô lậu của A-la-hán không hoại pháp. Tại sao chỉ nói ngăn, dứt?

Đáp: Đây chẳng phải giải thoát vô lậu. Vì sao? Vì thời giải thoát chỉ nhờ vào năng lực của Chỉ, ít thời gian ngăn các phiền não chưa có thể diệt trừ vĩnh viễn về sau phát sinh lại, nên chẳng phải vô lậu. Giải thoát này gọi là thời ái giải thoát. Còn A-la-hán hết các lậu không có gì có thể ái.

Hỏi: Như thế thì không giới được Thánh yêu thích?

Đáp: Do các bậc Học chưa hết lậu nên tâm ngã có khi sinh khởi, nên đối với giới sinh ái, chẳng phải A-la-hán diệt hết tâm ngã mà sinh ái.

Hỏi: A-la-hán Cù-đề ở trong thời giải thoát sáu lần thoái lui, lo sợ thêm lần thứ bảy nên lấy dao tự sát. Nếu mất hữu lậu, thì không nên tự

sát. Nên biết thời giải thoát không gọi là hữu lậu.

Đáp: Người này thoái lui thiên định dùng để đoạn trừ phiền não. Ở trong định này, sáu lần thoái lui đến lần thứ bảy lại được định này, liền muốn tự sát, khi ấy tìm mọi cách để đắc đạo A-la-hán. Cho nên, Ma vương cho là học nhưn khi chết đi quanh bốn bên thân chết để khắp tìm thần thức ấy ra. Đi đến bạch Phật: “Bạch Đức Thế Tôn! Tại sao các đệ tử của Ngài các lậu chưa hết mà chết”. Đức Phật dạy: “Người ấy đã nhờ sạch gốc ái nhập vào Niết-bàn.

Hỏi: Nếu đoạn trừ tham gọi là ngăn dứt. Trong kinh dạy: “Từ tâm tham được giải thoát, từ tâm giận dữ, mê mờ được giải thoát”. Lại nói: “Đoạn trừ tham hủy được giải thoát tốt”. Lại nói : “Từ dục lậu tâm được giải thoát”. Như vậy đều nên gọi giải thoát trong ngăn dứt chứ chẳng phải giải thoát thật sự?

Đáp: Trong đây cũng nói diệt trừ vô minh, nên biết là giải thoát rốt ráo, hoặc nói dứt trừ tham, hoặc là ngăn dứt, hoặc là dứt trừ hoàn toàn. Nếu không sinh trí chân thật thì ngăn dứt, sinh trí chân thật là hoàn toàn dứt, không có dùng pháp Chỉ mà có thể dứt trừ hoàn toàn tham. Nếu có thể thì ngoại đạo cũng có thể dứt trừ hết tham, nhưng thực không đúng vậy. Nên biết Chỉ là ngăn đoạn.

Hỏi: Trong kinh dạy: “Dùng pháp Chỉ tu tập tâm, nương theo pháp Quán mà được giải thoát, dùng Quán tu tâm nương Chỉ được giải thoát? Việc này thế nào?

Đáp: Hành giả nếu nhờ thiên định sinh trí duyên diệt tức gọi là dùng Chỉ tu tâm nương Quán được giải thoát. Nếu dùng tâm tán loạn phân biệt ấm, giới, nhập v.v... mà nhờ đây được Chỉ duyên diệt, thì đó gọi là dùng Quán tu tâm, nương Chỉ được giải thoát. Nếu được các niệm xứ, thông suốt tóm thâu tâm thì đều tu cả Chỉ lẫn Quán. Tất cả hành giả đều tu hai pháp này chứng được tâm vắng lặng giải thoát.

Phẩm 188: TU ĐỊNH

Hỏi: Ông nói phải tu tập định, định tâm này là mỗi một niệm sinh diệt, làm sao tu được?

Đáp: Hiện thấy thân nghiệp tuy từng niệm diệt, nhờ tu tập nên có năng lực khác, thường tùy theo sự tu tập lâu ngày chuyển đến thành dễ. Nghiệp của miệng cũng vậy, tùy theo sự tập học tăng trưởng điều hoà, nhuần nhuyễn dẫn đến dễ nhớ bền lâu, ví như đọc tụng. Phải biết ý nghiệp tuy mỗi một niệm diệt mà cũng có thể tu tập, như lửa có thể biến sống thành chín, nước thường chảy mòn đá, gió có thể thổi vật bay. Như vậy những pháp mỗi một niệm diệt đều có năng lực tích tập, lại tùy theo sự huân tập các phiền não mà chúng theo đó phát triển. Như người đời thường huân tập tâm dâm dục, thì tâm trở thành đa dục, sân giận, mê mờ cũng như thế. Trong kinh dạy: “Nếu người tùy nghĩ việc gì thì tâm theo hướng đó, như thường theo sự nhận biết về dục thì tâm hướng đến dục. Hai nhận biết kia cũng vậy. Vì thế biết tâm này tuy từng niệm diệt mà cũng có thể tu tập. Lại tu gọi là tăng trưởng. Hiện thấy các pháp đều có tăng trưởng. Như trong kinh dạy: “Hành giả do nhớ nghĩ sai lầm nên các tham dục, phiền não chưa sinh thì sẽ sinh, đã sinh thì tăng trưởng ». Nghĩa là từ thấp phát triển lên vừa, từ vừa lên cao. Như hạt giống, mộng cho đến nhánh, lá hoa, trái và hạt. Hiện thấy từ nhân dần dần tăng trưởng. Các pháp định, tuệ cũng như thế. Hiện tại thấy ướp mè thì hương của nó càng tăng thêm. Hương ấy và mè mỗi một niệm không ngừng mà có sức xông ướp. Nên biết từng niệm pháp diệt cũng có thể tu tập.

Hỏi: Mè là pháp trụ, hoa hương đến xông ướp không có trụ. Tâm dùng trí niệm niệm diệt, đến tu tập thì làm sao thí dụ được?

Đáp: Không có pháp trụ dừng. Tất cả các pháp đều niệm niệm diệt. Điều này trước đã thành lập nên chẳng cần vấn nạn. Lại nếu pháp không từng mỗi niệm diệt thì không có sự tu tập, tức là thể thường còn, tu tập đâu có ích gì? Nếu pháp mỗi niệm mỗi niệm diệt thì mới theo pháp thấp, vừa, cao mà có tu tập.

Hỏi: Các bông đến mè mới có thể xông ướp, trí chẳng đến tâm nên không có tu tập?

Đáp: Trong thí dụ về nghiệp ở trước, việc ấy đã rõ. Nghĩa là nghiệp sau không đến với nghiệp trước, lời nói trước không đợi lời nói sau, nhưng nghiệp thân, miệng cũng có tương tu. Như vậy, ông nói không đến không tu, thì không thể gọi là trở ngại. Hiện thấy nhân

quả tuy không cùng một thời, nhưng cũng được từ nhân mà có quả. Như vậy, pháp tâm tuy mỗi một niệm diệt mà cũng tu tập được. Như hạt giống gặp nước tuy không đến mộng nhưng khiến cho mộng nảy mầm, tươi tốt. Như thế tu tập trí tuệ tâm trước tâm sau cùng tăng trưởng.

Hỏi: Nếu mà mỗi niệm diệt thì sinh mà khác. Mà này do xông ướp sinh hay không xông ướp sinh? Nếu không xông sinh thì hoàn toàn không có xông ướp. Nếu xông ướp sinh thì cần gì ướp lâu?

Đáp: Vì nhân ướp, như giống được nước thì mộng thấm nhuần tốt tươi. Như vậy nhân hoa trước hòa hợp mà sinh mà khác, tức là huân sinh. Ông nói cần gì ướp lâu, như trong kinh của ông có nói: “Nhân lửa hợp lại thành pháp diệt tướng đen vi trần, tướng đỏ sinh”. Nếu lửa ban đầu hợp thành pháp diệt đi tướng đen thì không nên sinh lại tướng đen. Nếu khi lửa ban đầu hợp thành pháp sinh tướng đỏ, lại cần gì lửa sau phải hợp nữa. Nếu khi lửa ban đầu hợp thành mà tướng đen sinh thì tướng đỏ hoàn toàn không sinh. Hoặc vào thời thứ hai tướng đỏ sinh thì đâu cần lâu để hợp với lửa. Nếu ý ông cho rằng tướng đỏ sinh từ từ, thì tâm cũng như vậy, đâu có lỗi gì? Các tướng hoại cũng thế. Các pháp tuy có nhân duyên cũng sinh theo thứ lớp. Như thọ thai dần dần thành thân, như rễ của hạt giống cũng tuần tự sinh ra. Như thế các pháp định, tuệ v.v... tuy từng niệm diệt, cũng do pháp thấp, vừa, cao theo thứ lớp sinh. Tu pháp vi tế khác tâm tương tục, như hơi ấm của lông vũ tuy nhỏ mà trứng dần dần thay đổi. Do sức nóng của da tay nên cán búa mòn dần gần hết. Tâm cũng lại như thế. Định tuệ mâu nhiệm nên tu tập dần theo thứ lớp. Pháp tu tập khi đạt đến mới biết, như trong bài kệ nói: Một phần lãnh thọ từ thầy, một phần nhờ bạn, một phần tự suy nghĩ, một phần đợi thời thuận thực. Có người tuy đọc tụng suốt ngày nhưng không hiểu rõ được. Đợi thời thuận thực như đem nhiều bông xông ướp cùng một lúc nhưng không bằng bông ít xông ướp từ từ lâu ngày, dầu nước thấm vào tường vách, tất cả đều như thế. Hiện thấy giống rễ nảy mầm tăng trưởng rất nhỏ còn không thể thấy được. Mỗi ngày lớn lên như đầu sợi lông, thân của các trẻ nhỏ do bơ sữa được đầy đủ cũng lại như thế. Cho nên tu tập pháp nhiệm mâu khó mà hiểu biết được.

Hỏi: Hoặc thấy có pháp cùng một lúc liền tu tập, có người trước kia chưa thấy sắc, mà thấy liền đắm nhiễm, cũng có người có ít thời gian mà phần nhiều được thông suốt. Vì sao chỉ nói tu tập theo thứ lớp?

Đáp: Tất cả ở quá khứ đã từng tu tập. Biết tích chứa lần lần sự tu tập. Điều này đã rõ. Lại chẳng phải chỉ phát tâm mà có thể có sự thành tựu. Như trong Kinh nói: đối với pháp thiện không siêng năng tu tập,

chỉ ham muốn không lãnh thọ các pháp mà ở trong các phiền não, tâm được giải thoát, thì ý nghĩ của người này hoàn toàn không được mãn nguyện, vì không siêng năng tu tập pháp thiện”. Hành giả nếu thường siêng năng tu tập pháp thiện, tuy không phát nguyện, mà đối với các lậu, tâm cũng được giải thoát. Do từ nhân sinh quả không cần phải nguyện. Giống như chim sẻ chỉ cần ấp trứng chẳng cần cầu nguyện mà chim con vỡ trứng mà ra. Không vì cầu nguyện mà đèn sáng tỏ, chỉ cần dầu, tim đèn sạch, không có vật gì tác động vào ánh sáng của đèn mới sáng tỏ. Chẳng phải chỉ nguyện mới được lúa tốt, mà chắc chắn cần ruộng màu mỡ, giống tốt, thời tiết thuận hòa, nông dân ra sức mới có thu hoạch; không những chỉ nguyện mà thân được năng lực của sắc, mà cần phải các duyên uống thuốc bổ, thức ăn ngon bổ, thân mới được sung mãn. Như vậy, không những chỉ cầu nguyện để diệt trừ hết các lậu, mà cần phải có trí chân thật mới được giải thoát. Đâu có người trí nào biết từ nhân sinh quả mà lại bỏ nhân đi tìm quả ở chỗ khác! Tu tập pháp thì hiện tại được phước báo. Như trong kinh Đức Phật dạy: “Ta dạy đệ tử không cần bảy ngày chỉ cần tu tập pháp thiện trong chốc lát, trong vô lượng năm luôn được an vui”. Các Tỳ-kheo ni thưa Đại đức A-nan: “Bạch Đại đức A-nan! Chúng con khéo tu tập niệm xứ, nhận biết khác ban đầu”. Trong kinh Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: “Nếu người nào tâm không đua nịnh quanh co mà đến với Ta, thì buổi sáng Ta thuyết giảng pháp khiến buổi chiều được lợi, thuyết giảng pháp ban chiều thì đến sáng được lợi”. Nếu người được đạo A-la-hán thì không cùng với người khác, chẳng cùng với phi nhân mà chỉ tu tập nhân chơn chánh nên được lợi này. Phật đạo vô thượng còn phải tu tập tích chứa pháp thiện mà được hưởng gì những việc khác. Như trong kinh Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: “Ta nương nhờ hai pháp mới được đạo vô thượng. Một là ưa thích pháp thiện không chán, hai là tu đạo chẳng mệt mỏi”. Đức Phật đối với pháp thiện hoàn toàn không có giới hạn. Lại các Bồ-tát tuy không được định mà cũng không được biếng nhác mỗi một. Vì sao? Vì không tu tập pháp thiện thì không thể thành tựu được gì, làm thiện cũng không khoa trương, người không làm thiện, chắc chắn không an ổn, suy nghĩ như thế rồi siêng năng tinh tấn tu tập pháp thiện. Nếu phát tinh tấn thì hoặc được hoặc mất, còn người không tinh tấn mãi mãi không có hy vọng. Vì thế phải nên siêng năng tu tập chớ có biếng nhác, mỗi một. Người trí cuối cùng phải được giải thoát. Nếu bỏ tu tập thì không có phương pháp nào khác. Cho nên người trí phải siêng năng tu tập chớ sinh biếng nhác. Hành giả suy nghĩ, tu tập chánh hạnh chắc chắn có phước báo,

tuy chưa được liền chẳng lấy làm lo. Hành giả nên suy nghĩ, ta đã từng được phước báo tu tập, vì chúng sinh xưa nay đều được tất cả các thiện định. Hôm nay ta tu tập chơn chánh nhất định sẽ chứng được, nên không nhàm chán mệt mỏi. Chánh hạnh là lấy Phật làm chứng minh: Nay ta chánh hạnh, nên biết chắc chắn được. Ta đã đầy đủ nhân duyên đắc đạo, nghĩa là được làm thân người, đầy đủ các căn, biết rõ tội phước, cũng tin giải thoát, gặp thiện tri thức. Đủ tất cả nhân duyên này làm sao không được phước báo tu tập. Chánh hạnh tinh tấn hoàn toàn không uổng phí, không chán nản mệt mỏi, diệt trừ các phiền não vi tế khó nhận thấy, như cán búa mòn dần đến hết. Các phiền não của Ta cũng sẽ diệt trừ. Chỉ vì quá nhỏ nên không thể nhận biết được tất cả. Cho nên biết tu tập pháp thiện, siêng năng là trên hết. Lại như ít trí còn có thể đoạn trừ các phiền não, ví như có ít ánh sáng cũng có thể trừ được bóng tối. Như thế chỉ được ít trí thì hoàn thành công việc. Do đó, không chán mệt. Lại tuy thời gian lâu khó thành tựu quả định, nhưng nếu đắc định rồi thì các công phu khác chẳng mấy chốc. Cho nên tuy lâu chứng đắc nhưng quyết không nhàm chán, mệt mỏi. Lại hành giả nên suy nghĩ đắc định là việc rất khó. Như Bồ-tát ngày xưa phước tuệ sâu dày phải siêng năng chuyên cần đến sáu năm mới chứng được, các Tỳ-kheo khác chứng được định cũng khó, huống gì phàm phu chúng ta phước ít, căn trí thấp kém mà nhanh chóng được chẳng? Suy nghĩ như thế rồi không sinh nhàm chán mệt mỏi. Các hành giả cần phải tu tập định, không có việc khác nên được hay không cũng phải tu tập. Lại nữa, người tu tập tuy không đắc được định nhưng cũng gọi là thân được xa lìa, thân đã xa lìa thì dễ dàng đắc định. Nếu siêng năng tu tập định thì không phụ ân đức của Phật lại cũng vì tu hạnh xa lìa nên được gọi là hành giả. Lại tu tập pháp thiện lâu ngày trở thành tánh thiện, cho đến chuyển thân khác, pháp thiện ấy vẫn theo đuổi, nên thường gặp người thiện, đây là lợi lớn. Người nào thường tu tập pháp thiện hoặc ở thân hiện tại diệt trừ hết phiền não, hoặc khi qua đời hết, hoặc sau khi lâm chung được hết, hóa sinh vào nơi tốt lành ở trong ấy được chứng đắc, như trong phần lợi ích của việc nghe pháp đã nói. “Trong tâm hành giả phát sinh tướng mạnh mẽ nghĩ như vậy: Nếu ta chẳng phá được trận giặc phiền não cuối cùng không trở về tay không. Lại hành giả sinh tâm kiêu mạn nghĩ như vậy: Người khác có tín, có các thiện căn nên thường đắc được thiện định, ta nay cũng có mà sao lại không được? Như Bồ-tát xưa kia, theo Tiên như A-la-la nghe pháp liền nghĩ: Người này có các tín, các thiện căn nên có thể chứng được pháp này, nay Ta cũng có mà sao không được? Hành

giả biết phiên nào yếu kém, năng lực trí tuệ mạnh mẽ, diệt chúng đâu khó. Như nói Tỳ-kheo thành tựu sáu pháp, có thể đem gió miệng thổi tan núi Tuyết, huống là vô minh chết! Hành giả lại suy nghĩ: Thế gian trước không tu định nên nay không thể đạt được. Hôm nay nếu không tu thì sau này cũng không đạt được. Cho nên phải siêng năng tu tập. Vì thường tu tập nên tâm thường an trú một nơi, như bình lăn chẳng dừng, ắt phải có chỗ trú. Hành giả lại suy nghĩ: Nếu ta thường siêng năng tinh tấn, hoặc được hay không thì sau chẳng hối hận. Vì thế phải nhất tâm siêng năng tu tập các định.
